

NHÓM 1
BẾN LỨC

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6

TT (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổng % điểm (12)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
1	Tập hợp. Tập hợp các số tự nhiên.	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên.	2 (TN 1,2)		1 (TN 3)	1 (TL 1)					17,5%
2	Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên	Các phép tính với số tự nhiên		1 (TL 2)		1 (TL 2)				1 (TL 2)	35%
		Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (TN 4)		1 (TN 5)						
3	Quan hệ chia hết. Số nguyên tố. Hợp số	Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên	1 (TN 6)		1 (TN 11)	1 (TL 3)					12,5%
		Số nguyên tố, hợp số			1 (TN 8)						
4	Ước chung và Ước chung lớn nhất	Tập hợp các ước của số tự nhiên	1 (TN 7)	1 (TL 3)							22,5%
		Ước chung lớn nhất					2 (TN 9,10)	1 (TL 4)			
5	Các hình	Tam giác đều, hình vuông, lục giác	1					1			12,5%

	phẳng trong thực tiễn	đều. Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	(TN 12)					(TL 5)			
Tổng			4 (1,5 đ)	2 (1,5 đ)	4 (1,0đ)	3 (2,5 đ)	2 (0,5 đ)	2 (2,0 đ)		1 (1,0 đ)	18 (10 đ)
Tỉ lệ %			30%		35%		25%		10%		100%
Tỉ lệ chung			65%				35%				

B. BÀN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Tập hợp. Tập hợp các số tự nhiên.	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên.	Nhận biết: - Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên Thông hiểu: - Mô tả cách viết tập hợp, thể hiện cách viết số La Mã Vận dụng cao: - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán	2 (TN 1, TN2)	2 (TN 3, TL 1)		
2	Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên	Các phép tính với số tự nhiên	Nhận biết: - Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính Thông hiểu: - Thể hiện các phép tính cộng trừ nhân chia trong tập hợp số tự nhiên	2 (TN 4, TL2)	2 (TN 5, TL2)		1(TL2)
		Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: - Nhận biết tích của hai lũy thừa cùng cơ số Thông hiểu: - Thể hiện được kết quả của lũy thừa				

			- Thể hiện được kết quả của lũy thừa, tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân các số tự nhiên Vận dụng cao - Vận dụng linh hoạt tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng các số tự nhiên				
3	Quan hệ chia hết. Số nguyên tố. Hợp số	Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên	Nhận biết Nhận biết được quan hệ chia hết Thông hiểu: Giải thích được quan hệ chia hết Giải thích được dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9	1 (TN 6)	2 (TN 11 TL 3)		
		Số nguyên tố, hợp số	Nhận biết Nhận biết khái niệm số nguyên tố, hợp số Thông hiểu: Thể hiện được cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố		1 (TN 8)		
4	Ước chung và Ước chung lớn nhất	Tập hợp các ước của số tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết khái niệm ước và bội	2 (TN 7 TL3)			
		Ước chung lớn nhất	Vận dụng: - Vận dụng cách tìm ƯCLN của các số tự nhiên - Vận dụng cách tìm ƯCLN của các số tự nhiên để giải các bài toán thực tế			3 (TN 9,10 TL4)	
5	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. Hình chữ nhật, hình thoi, hình	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	1 (TN 12)		1 (TL5)	

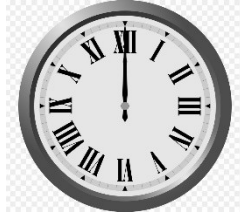
		 bình hành, hình thang cân					
Tổng				8	7	4	1
Tỉ lệ %				30%	35%	25%	10%
Tỉ lệ chung				65%		35%	

C. ĐỀ MINH HỌA
GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6

ĐỀ BÀI

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: NB Đồng hồ sau chỉ mấy giờ?



- A. 12h B. 6h C. 1h D. 2h

Câu 2: NB Thế kỉ 21 viết bằng số La Mã là

- A. XXI B. XIX C. IXX D. IXI.

Câu 3: TH Tập hợp các số tự nhiên không vượt quá 7 là

- A. $\{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6\}$. B. $\{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$. C. $\{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7\}$. D. $\{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$.

Câu 4: NB Kết quả phép tính $3^3 \cdot 3$ là

- A. 3^3 . B. 3^2 . C. 3^4 . D. 3.

Câu 5: TH Giá trị của lũy thừa 2021^0 là

- A. 0 . B. 1 . C. 2021 . D. Đáp án khác.

Câu 6: NB Tập hợp nào sau đây chỉ gồm các số nguyên tố?

- A. $\{1; 3; 5; 7; 9\}$. B. $\{1; 3; 5; 7; 11\}$.
C. $\{2; 3; 5; 7; 11; 13\}$. D. $\{2; 3; 5; 7; 13; 17; 19; 21\}$.

Câu 7: NB Số nào sau đây không phải là ước của 18 ?

- A. 0 . B. 1 . C. 18 . D. 9 .

Câu 8: TH Phân tích số 120 ra thừa số nguyên tố được kết quả là

- A. $2^3 \cdot 3 \cdot 5$. B. $2^3 \cdot 15$. C. $2^2 \cdot 6 \cdot 5$. D. $12 \cdot 10$

Câu 9: VD $\text{CLN}(54, 48, 36) = ?$

- A. 12 . B. 9 . C. 6 . D. 18

Câu 10: VD Cô giáo có 24 quyển vở và 20 cái bút chia thành các phần quà để số bút và số vở đều nhau.

Hỏi cô giáo có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu phần quà?



- A. 4 B. 5 . C. 2 . D. Đáp án khác.

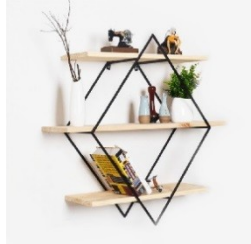
Câu 11: TH Số $A = 2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 5 \cdot \dots \cdot 10 + 125$ chia hết cho số nào sau đây?

- A. 5 . B. 2 . C. 3 . D. 9 .

Câu 12: NB Hình thoi xuất hiện trong hình nào dưới đây?



A.



B.



C.



D.

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (1 điểm) TH Viết tập hợp P các số tự nhiên lẻ lớn hơn 5 và nhỏ hơn hoặc bằng 21 bằng hai cách.

Bài 2: (3 điểm) TH, VD, VDC Tính nhanh nếu có thể:

- a) $125 + 37 + 25 + 313$
- b) $2^3 \cdot 13 \cdot 125 \cdot 6$
- c) $100 + 97 + 94 + \dots + 7 + 4 + 1$.

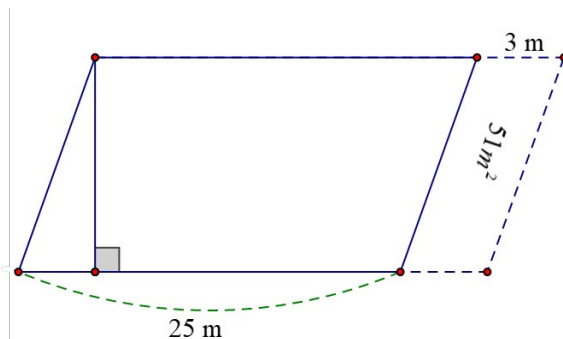
Bài 3: (1 điểm) NB, TH

- a) Viết tập hợp các ước của 4.
- b) Tìm các chữ số tự nhiên x, y biết $\overline{x306y}$ chia hết cho $2; 3; 5; 9$.

Bài 4: (1 điểm) VD Nhằm hỗ trợ cho thành phố Hồ Chí Minh đẩy lùi dịch bệnh COVID-19, một đoàn Cán bộ y tế của một tỉnh gồm 6 kỹ thuật viên, 12 bác sĩ và 30 điều dưỡng đã xung phong lên đường chi viện cho thành phố Hồ Chí Minh. Đoàn định chia thành các nhóm sao cho số kỹ thuật viên, số bác sĩ cũng như số điều dưỡng được chia đều vào các nhóm. Hỏi đoàn có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu nhóm?

Bài 5: (1 điểm) VD

Có một mảnh đất hình bình hành cạnh đáy bằng $25m$. Nếu người ta mở rộng cạnh đáy của mảnh đất thêm $3m$ thì diện tích mảnh đất tăng thêm $51m^2$. Tính diện tích ban đầu của mảnh đất.



----- (Hết đề) -----